

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

đã được kiểm toán

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4
Báo cáo tài chính riêng đã được kiểm toán	5 – 38
Bảng cân đối kế toán	5 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9 – 10
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	11 – 38

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam trước đây là Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp, được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 0503000009 ngày 30 tháng 11 năm 2001. Công ty Cổ phần Alphanam Công nghiệp đổi tên thành Công ty Cổ phần Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 03 ngày 24 tháng 11 năm 2006 và đổi tên thành Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0900191660 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 8 năm 2012. Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hưng Yên cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi.

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại khu công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch	
Ông Bùi Hoàng Tuấn	Ủy viên	
Bà Bùi Kim Yến	Ủy viên	
Ông Nguyễn Minh Nhật	Ủy viên	
Bà Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên	
Ông Tạ Quốc Khánh	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2020
Ông Nguyễn Tuấn Phương	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 22/6/2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc
Bà Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc (tiếp theo)

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính riêng phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính riêng, Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các đánh giá và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính riêng;
- Lập Báo cáo tài chính riêng dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng.

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

TM. Ban Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn

Số: *114*./2021/BCKT-AASCN.PB

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng.

Hà Nội, ngày 29 tháng 3 năm 2021

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế
toán và Kiểm toán Nam Việt – CN Phía Bắc**



Phạm Văn Cường

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2922-2019-152-1

Kiểm toán viên



Nguyễn Thị Nguyên Nhung

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3360-2020-152-1

Headquarters

29, Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-28) 3910 4881 / Fax: (84-28) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn / Web: www.aascn.com.vn

The North Branch

4 LK7-TT2, 96B Nguyen Huy Tuong, Thanh Xuan Trung, Thanh Xuan, Ha Noi
Tel: (84-24) 3994 7969 / Fax: (84-24) 3793 1429
Email: admin@namvietpb.vn

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		340.067.478.005	645.368.230.849
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		574.721.035	2.293.185.723
1.	Tiền	111	V.01	574.721.035	2.293.185.723
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		38.650.740.000	-
1.	Chứng khoán kinh doanh	121	V.02	38.650.740.000	-
2.	Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		225.255.612.305	594.377.374.898
1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	97.942.635.022	394.567.562.107
2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	8.329.182.991	1.856.527.244
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6.	Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	127.444.065.503	206.346.114.867
7.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.06	(8.460.271.211)	(8.392.829.320)
8.	Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV.	Hàng tồn kho	140	V.07	75.360.527.648	48.242.835.689
1.	Hàng tồn kho	141		76.852.770.156	48.615.713.774
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1.492.242.508)	(372.878.085)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		225.877.017	454.834.539
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.09	91.703.463	443.270.162
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		134.173.554	11.564.377
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5.	Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.170.977.201.621	2.089.769.780.054
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.03	-	-
2.	Trả trước cho người bán dài hạn	212	V.04	-	-
3.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4.	Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5.	Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6.	Phải thu dài hạn khác	216	V.05	-	-
7.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		-	-
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	-	-
	- Nguyên giá	222		8.947.550.000	8.947.550.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(8.947.550.000)	(8.947.550.000)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227		-	-
	- Nguyên giá	228		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	230		-	-
1.	Nguyên giá	231		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232		-	-
IV.	Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1.	Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V.	Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	2.170.938.043.877	2.089.648.083.027
1.	Đầu tư vào công ty con	251		1.320.499.197.297	1.245.280.328.928
2.	Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		487.855.359.720	487.855.359.720
3.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		428.424.382.183	424.577.382.183
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(65.840.895.323)	(68.064.987.804)
5.	Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI.	Tài sản dài hạn khác	260		39.157.744	121.697.027
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	39.157.744	121.697.027
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.511.044.679.626	2.735.138.010.903

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C.	NỢ PHẢI TRẢ	300		422.453.986.727	663.184.226.184
I.	Nợ ngắn hạn	310		331.247.155.371	663.029.593.684
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	130.394.675.728	320.813.812.402
2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	136.749.992.155	290.314.256.098
3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	295.055.602	248.133.491
4.	Phải trả người lao động	314		852.790.423	938.977.644
5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	257.868.102	79.081.260
8.	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	324.323.863	324.323.864
9.	Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	1.341.929.738	1.303.288.390
10.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.10	60.315.001.300	48.292.202.075
12.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		715.518.460	715.518.460
II.	Nợ dài hạn	330		91.206.831.356	154.632.500
1.	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	91.053.698.856	-
7.	Phải trả dài hạn khác	337	V.15	153.132.500	154.632.500
D.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		2.088.590.692.899	2.071.953.784.719
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.17	2.088.590.692.899	2.071.953.784.719
1.	Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
	- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		74.155.820.000	74.155.820.000
10.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		3.721.683.671	3.721.683.671
11.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		85.869.059.228	69.232.151.048
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		69.232.151.048	59.391.530.153
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		16.636.908.180	9.840.620.895
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.511.044.679.626	2.735.138.010.903

Người lập biểu



Lê Thị Bích

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc




BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	497.172.763.169	326.412.455.322
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.02	28.578.000	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		497.144.185.169	326.412.455.322
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.03	464.658.628.860	307.712.239.125
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		32.485.556.309	18.700.216.197
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.04	154.087.585	122.852.458
7.	Chi phí tài chính	22	VI.05	2.031.114.506	(6.955.773.982)
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>4.255.001.601</i>	<i>4.205.250.654</i>
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.08	3.919.685.606	4.722.446.819
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.08	10.016.040.213	11.249.528.345
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		16.672.803.569	9.806.867.473
11.	Thu nhập khác	31	VI.06	80.345.429	240.203.073
12.	Chi phí khác	32	VI.07	116.240.818	206.449.651
13.	Lợi nhuận khác	40		(35.895.389)	33.753.422
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		16.636.908.180	9.840.620.895
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		16.636.908.180	9.840.620.895

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc




Lê Thị Bích

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2020

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		16.636.908.180	9.840.620.895
2.	<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>				
-	Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02		-	-
-	Các khoản dự phòng	03		(1.037.286.167)	(10.532.121.433)
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		205.386	-
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(154.087.585)	(122.852.458)
-	Chi phí lãi vay	06		4.255.001.601	4.205.250.654
-	Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3.	<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		19.700.741.415	3.390.897.658
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09		19.550.162.525	371.623.656.540
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(28.237.056.382)	23.527.669.582
-	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(256.874.144.630)	92.429.469.573
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12		434.105.982	80.448.626
-	Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		(38.650.740.000)	-
-	Tiền lãi vay đã trả	14		(4.227.245.653)	(4.201.474.517)
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		-	-
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
-	Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		-	-
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		(288.304.176.743)	486.850.667.462
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	-
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(75.013.470.000)	(544.208.009.720)
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		348.638.500.631	51.990.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		938.087.585	4.969.858
	<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		274.563.118.216	(492.213.039.862)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền thu từ đi vay	33		74.433.847.927	67.425.156.914
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(62.411.048.702)	(66.661.164.645)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.022.799.225	763.992.269
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(1.718.259.302)	(4.598.380.131)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		2.293.185.723	6.891.565.854
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(205.386)	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		574.721.035	2.293.185.723

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc






Lê Thị Bích

Nguyễn Thị Vân Anh

Bùi Hoàng Tuấn

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2020

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**01. Hình thức sở hữu vốn**

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, thương mại, dịch vụ và xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 bao gồm:

- Buôn bán các tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng;
- Đại lý mua bán các loại hàng hóa;
- Cung cấp dịch vụ vận chuyển hàng hóa.

04. Cấu trúc doanh nghiệp

- Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:

<i>Tên đơn vị</i>	<i>Địa chỉ</i>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Đầu tư Alphanam tại Định Công Hà Nội (*)	Số 96 Định Công, phường Phương Liệt, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

(*) Chi nhánh đã chấm dứt hoạt động từ ngày 01 tháng 10 năm 2020 theo nghị quyết số 1377/2020/NQ/ALP-HĐQT ngày 30 tháng 9 năm 2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty.

- Danh sách các công ty con đầu tư trực tiếp bao gồm:

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	60,00	60,00	60,00
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	92,72	92,72	89,70
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Số 2, khu công nghiệp Hòa Khánh, phường Hòa Khánh Bắc, quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng	82,75	82,75	82,48
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel - Alphanam	Số 47 Vũ Trọng Phụng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội	100,00	80,00	80,00

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tên công ty con	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp của Công ty mẹ tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết trực tiếp của Công ty mẹ	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Số 58 Bạch Đằng, phường Hải Châu I, quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam	70,00	70,00	79,34
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	Số 79 đường Violet, Thị trấn Sa Pa, Huyện Sa Pa, Lào Cai	87,18	70,00	70,00
+ Công ty CP Foodinco Quy Nhơn	76 Trần Hưng Đạo, phường Hải Cảng, Tp. Quy Nhơn, tỉnh Bình Định	70,00	70,00	70,00

Danh sách các công ty liên kết:

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày cuối năm (%)	Quyền biểu quyết của Công ty	
			Cuối năm (%)	Đầu năm (%)
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên	35,00	35,00	35,00
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	Số nhà 35 đường Nguyễn Văn Cừ, khu phố Phú Tân, Phường Tân Phú, Thị xã Đồng Xoài, Bình Phước	100,00	40,00	40,00
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	43R/12 Hồ Văn Huê, phường 9, quận Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh	33,75	33,75	33,75

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 28 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là 26 người).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**01. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền)

Công ty là Công ty mẹ của các Công ty con. Người sử dụng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty.

02. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

03. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá đầu tư vào Công ty con, Công ty liên kết liên doanh được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

04. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên hoặc cho các khoản mà tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi như đối tượng nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

05. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

06. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	05 – 07 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 07 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	04 – 05 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 06 năm

07. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

08. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

09. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay, nợ thuê tài chính.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong năm.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng mà Công ty đang thực hiện quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện. Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm. Kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính đáng tin cậy dựa trên hồ sơ nghiệm thu thanh toán với chủ đầu tư.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**12. Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Các khoản giảm trừ doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm là chiết khấu thương mại.

13. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN*Đơn vị tính: VND***01. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền	574.721.035	2.293.185.723
+ Tiền mặt	29.963.413	103.746.700
+ Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	544.757.622	2.189.439.023
+ Tiền đang chuyển	-	-
- Các khoản tương đương tiền	-	-
Cộng	<u>574.721.035</u>	<u>2.293.185.723</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**a. Chứng khoán kinh doanh**

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên (*)	38.650.740.000	(*)	-	-	(*)	-
Cộng	38.650.740.000		-	-		-

(*) : Lý do tăng giảm khoản đầu tư :

- Tăng theo Nghị quyết số 108/2020/NQ/ALP-HĐQT ngày 20 tháng 02 năm 2020 về việc nhận chuyển nhượng 7.330.074 cổ phần tương ứng với giá trị 73.300.740.000 đồng nhằm nắm giữ với mục đích thương mại.
- Giảm do chuyển nhượng 3.465.000 cổ phần tương ứng với giá trị 34.650.000.000 đồng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty sở hữu 3.865.074 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên (mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu).

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý (*)
- Đầu tư vào công ty con	1.320.499.197.297	(64.531.131.972)	108.865.512.000	1.245.280.328.928	(63.162.936.440)	96.769.344.000
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	136.229.816.420	-	108.865.512.000	136.229.816.420	-	96.769.344.000
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	128.880.000.000	-	(*)	124.680.000.000	-	(*)
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	222.195.382.508	(64.130.046.333)	(*)	221.588.562.508	(62.774.590.773)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	402.048.369	(401.085.639)	(*)	443.000.000	(388.345.667)	(*)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	490.000.000.000	-	(*)	436.392.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	217.491.950.000	-	(*)	200.646.950.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	125.300.000.000	-	(*)	125.300.000.000	-	(*)
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	487.855.359.720	(1.309.518.815)		487.855.359.720	(4.901.806.828)	
+ Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	110.250.000.000	(655.913.588)	(*)	110.250.000.000	(4.901.806.828)	(*)
+ Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	(23.678.923)	(*)	120.000.000	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	377.485.359.720	(629.926.304)	(*)	377.485.359.720	-	(*)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND*

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào đơn vị khác	428.424.382.183	(244.536)		424.577.382.183	(244.536)	
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	424.287.137.647	-	(*)	424.287.137.647	-	(*)
+ Công ty Cổ phần Xây dựng 565	244.536	(244.536)	(*)	244.536	(244.536)	(*)
+ Công ty Cổ phần Đông Á Golden	4.137.000.000	-	(*)	290.000.000	-	(*)
Cộng	2.236.778.939.200	(65.840.895.323)	108.865.512.000	2.157.713.070.831	(68.064.987.804)	96.769.344.000

Giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Alphanam E&C được xác định trên cơ sở giá niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán HNX và số lượng cổ phiếu mà Công ty đang nắm giữ.

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này do không có giá niêm yết trên thị trường và Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về các xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Thông tin chi tiết về các Công ty con, Công ty liên kết tại ngày 31/12/2020 như sau:

Tên Công ty con, Công ty liên kết	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại Công ty được đầu tư (VND)	Giá trị vốn góp theo mệnh giá (VND)	quyền biểu quyết (%)	Tỷ lệ lợi ích (%)	Hoạt động kinh doanh chính
1. Công ty con					
+ Công ty Cổ phần Alphanam E&C	252.000.000.000	151.202.100.000	60,00	60,00	Kinh doanh vật liệu xây dựng, xây dựng công trình dân dụng, kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	139.000.000.000	128.880.000.000	92,72	92,72	Sản xuất, lắp ráp, bảo trì và sửa chữa thang máy
+ Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	223.877.000.000	185.256.990.000	82,75	82,75	Đầu tư kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đô Thị Hanel – Alphanam	402.048.369	402.048.369	80,00	100,00	Trong năm không phát sinh hoạt động sản xuất kinh doanh
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	700.000.000.000	490.000.000.000	70,00	70,00	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hoá Mường Hoa	226.615.950.000	216.866.950.000	70,00	87,18	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	179.000.000.000	125.300.000.000	70,00	70,00	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản
2. Công ty liên kết					
Công ty TNHH Sơn Kansai – Alphanam	315.000.000.000	110.250.000.000	35,00	35,00	Sản xuất sơn
Công ty Cổ phần WWB Alphanam	120.000.000	120.000.000	40,00	100,00	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	1.200.000.000.000	405.027.210.000	33,75	33,75	Đầu tư xây dựng và kinh doanh bất động sản

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	97.942.635.022	(7.648.393.211)	394.567.562.107	(7.580.951.320)
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	77.678.418.308	-	361.150.012.282	-
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	10.367.800.349	-	-	-
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	133.227.319	-	23.104.339.913	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	-	-	2.300.350.970	-
- Phải thu ngắn hạn của khách hàng khác	9.763.189.046	(7.648.393.211)	8.012.858.942	(7.580.951.320)
b. Phải thu của khách hàng dài hạn	-	-	-	-
Cộng	97.942.635.022	(7.648.393.211)	394.567.562.107	(7.580.951.320)

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của khách hàng ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	-	3.510.000
Cộng	-	3.510.000

04. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Trả trước cho người bán ngắn hạn	8.329.182.991	1.856.527.244
- Công ty TNHH Thiết bị bảo vệ và phát triển công nghệ cao Khải Hoàn	771.878.000	771.878.000
- Công ty TNHH TOTO Việt Nam	7.397.583.780	1.013.203.766
- Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	159.721.211	71.445.478
b. Trả trước cho người bán dài hạn	-	-
Cộng	8.329.182.991	1.856.527.244

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

05. Phải thu khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	127.444.065.503	-	206.346.114.867	-
- Phải thu về cổ tức được chia	-	-	784.000.000	-
- Tạm ứng	20.000	-	9.819.058	-
- Phải thu khác	127.444.045.503	-	205.552.295.809	-
+ Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	-	-	146.729.000.000	-
+ Công ty Cổ phần Virex ^(a)	38.815.000.000	-	-	-
+ Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco ^(b)	46.146.230.000	-	16.758.771.500	-
+ Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn ^(c)	42.000.000.000	-	42.000.000.000	-
+ Các khoản phải thu khác	482.815.503	-	64.524.309	-
b. Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	127.444.065.503	-	206.346.114.867	-

(a) Là khoản phải thu theo thỏa thuận đặt cọc số 312/2020/VR-ALP ngày 06 tháng 01 năm 2020 về việc mua sản thương mại 47 Vũ Trọng Phụng.

(b) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco theo các Nghị quyết sau:

- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1066/2018/NQ/ALP-HĐQT ngày 21 tháng 12 năm 2018 về việc mua thêm 5.630.800 cổ phần của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 1062/2018/NQ/FDCL-ĐHĐCĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco về việc tăng vốn. Ngày 14 tháng 7 năm 2020, Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco đã hoàn thành thủ tục tăng vốn điều lệ.
- Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1183/2020/BB/ALP-HĐQT ngày 28 tháng 5 năm 2020 về việc mua 7.000.000 cổ phần phát hành thêm để tăng vốn của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 1178/2020/DOF-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020 của Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco về việc tăng vốn. Khoản này sẽ chuyển thành vốn góp đầu tư khi Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco hoàn thành thủ tục tăng vốn.

(c) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn theo Nghị quyết của Hội đồng quản trị số 1068/2019/NQ/ALP-HĐQT ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc mua thêm 4.200.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn và Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông số 130B/2019/NQ/ĐHĐCĐ-FQN ngày 20 tháng 02 năm 2019 của Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn về việc tăng vốn. Khoản này sẽ chuyển thành vốn góp đầu tư khi Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn hoàn thành thủ tục tăng vốn.

06. Các khoản dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng phải thu khách hàng	(7.648.393.211)	(7.580.951.320)
- Dự phòng trả trước cho người bán	(811.878.000)	(811.878.000)
Cộng	(8.460.271.211)	(8.392.829.320)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	14.583.800	-	14.583.800	-
- Công cụ, dụng cụ	13.209.900	-	-	-
- Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	7.624.754.946	-	6.777.887.728	-
- Hàng hoá	69.200.221.510	(1.492.242.508)	41.823.242.246	(372.878.085)
Cộng	76.852.770.156	(1.492.242.508)	48.615.713.774	(372.878.085)

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.683.375.226</i>	<i>1.343.288.477</i>	<i>4.545.320.070</i>	<i>375.566.227</i>	<i>8.947.550.000</i>
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.683.375.226</i>	<i>1.343.288.477</i>	<i>4.545.320.070</i>	<i>375.566.227</i>	<i>8.947.550.000</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế					
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>2.683.375.226</i>	<i>1.343.288.477</i>	<i>4.545.320.070</i>	<i>375.566.227</i>	<i>8.947.550.000</i>
- Khấu hao trong năm	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
<i>Số dư cuối năm</i>	<i>2.683.375.226</i>	<i>1.343.288.477</i>	<i>4.545.320.070</i>	<i>375.566.227</i>	<i>8.947.550.000</i>
III. Giá trị còn lại					
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	-	-	-	-	-
<i>2. Tại ngày cuối năm</i>	-	-	-	-	-

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, nguyên giá tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn sử dụng: 8.947.550.000 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Chi phí trả trước

	Số cuối năm	Số đầu năm
a. Chi phí trả trước ngắn hạn	91.703.463	443.270.162
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	6.529.549	-
- Các khoản khác	85.173.914	443.270.162
b. Chi phí trả trước dài hạn	39.157.744	121.697.027
- Chi phí sửa chữa	-	47.482.702
- Giá trị còn lại của công cụ dụng cụ chờ phân bổ	30.300.203	66.392.155
- Các khoản khác	8.857.541	7.822.170
Cộng	130.861.207	564.967.189

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	48.292.202.075	48.292.202.075	74.433.847.927	62.411.048.702	60.315.001.300	60.315.001.300
- Vay ngân hàng	47.991.432.075	47.991.432.075	73.933.847.927	62.111.048.702	59.814.231.300	59.814.231.300
+ Ngân hàng TMCP Đầu tư Phát triển Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ^(a)	47.991.432.075	47.991.432.075	73.933.847.927	62.111.048.702	59.814.231.300	59.814.231.300
- Vay đối tượng khác	300.770.000	300.770.000	500.000.000	300.000.000	500.770.000	500.770.000
+ Công ty Cổ phần Alphanam - Cienco 4	40.000.000	40.000.000	-	-	40.000.000	40.000.000
+ Bà Đỗ Thị Minh Anh	260.770.000	260.770.000	-	-	260.770.000	260.770.000
+ Công ty Cổ phần Hemels ^(b)	-	-	500.000.000	300.000.000	200.000.000	200.000.000
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	-	-	-	-	-	-
Cộng	48.292.202.075	48.292.202.075	74.433.847.927	62.411.048.702	60.315.001.300	60.315.001.300

(a) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Hai Bà Trưng phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty, lãi suất 9,7%/năm. Các khoản vay này được thế chấp bằng tài sản của bên thứ 3 gồm: Thế chấp sàn tầng 3 thuộc DA nhà ở Sakura 47 Vũ Trọng Phụng thuộc sở hữu của Alphanam E&C và quyền sử dụng đất tại số 4 Tô Hiến Thành - Hai Bà Trưng thuộc sở hữu của ông Nguyễn Tuấn Hải và bà Đỗ Thị Minh Anh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(b) Khoản vay Công ty Cổ phần Hemels theo hợp đồng vay tiền số 1405/2020/HĐVT/HEMELS-ALP để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Lãi suất vay trong năm là 10,5%/năm, thời hạn vay: 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng tín chấp.

Đơn vị tính: VND

11. Phải trả người bán

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	130.394.675.728	130.394.675.728	320.813.812.402	320.813.812.402
- Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	-	-	148.950.000.890	148.950.000.890
- Công ty Cổ phần Delta Việt Nam	-	-	52.195.028.179	52.195.028.179
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	49.507.149.475	49.507.149.475	35.900.539.639	35.900.539.639
- Công ty Cổ phần BEDA T&C	43.302.225.377	43.302.225.377	9.320.653.840	9.320.653.840
- Phải trả ngắn hạn cho các người bán khác	37.585.300.876	37.585.300.876	74.447.589.854	74.447.589.854
b. Phải trả người bán dài hạn	91.053.698.856	91.053.698.856	-	-
- Công ty Cổ phần Viễn thông Thăng Long	32.567.080.890	32.567.080.890	-	-
- Công ty Cổ phần Hùng Tiến Kim Sơn	58.486.617.966	58.486.617.966	-	-
Cộng	221.448.374.584	221.448.374.584	320.813.812.402	320.813.812.402

Trong đó:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
- Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	21.706.359.860	21.706.359.860	24.576.074.982	24.576.074.982
Cộng	21.706.359.860	21.706.359.860	24.576.074.982	24.576.074.982

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

12. Người mua trả tiền trước

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
a. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	136.749.992.155	290.314.256.098
- Công ty Cổ phần Địa ốc Momota	98.453.806.186	-
- Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	2.950.000	160.803.540.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	34.270.690.730	39.350.690.730
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn khác	4.022.545.239	90.160.025.368
b. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-
Cộng	136.749.992.155	290.314.256.098

Trong đó:

	<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại thuyết minh VIII.02)	34.273.640.731	246.522.130.088
Cộng	34.273.640.731	246.522.130.088

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
- Thuế giá trị gia tăng	-	-	39.749.071	39.749.071	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	-	248.133.491	438.289.236	391.367.125	-	295.055.602
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Cộng	-	248.133.491	482.038.307	435.116.196	-	295.055.602

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

14. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	257.868.102	79.081.260
- Chi phí lãi vay	106.837.208	79.081.260
- Các khoản trích trước khác	151.030.894	-
b. Dài hạn	-	-
Cộng	257.868.102	79.081.260

15. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	1.341.929.738	1.303.288.390
- Kinh phí công đoàn	267.455.991	267.455.991
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.074.473.747	1.035.832.399
b. Dài hạn	153.132.500	154.632.500
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	153.132.500	154.632.500
Cộng	1.495.062.238	1.457.920.890

16. Doanh thu chưa thực hiện

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
a. Ngắn hạn	324.323.863	324.323.864
- Doanh thu nhận trước về cho thuê tài sản	324.323.863	324.323.864
b. Dài hạn	-	-
Cộng	324.323.863	324.323.864

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

17. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	59.391.530.153	2.062.113.163.824
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	-	9.840.620.895	9.840.620.895
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm trước	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	69.232.151.048	2.071.953.784.719
Số dư đầu năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	69.232.151.048	2.071.953.784.719
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	16.636.908.180	16.636.908.180
Tăng khác	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-
Lỗi trong năm nay	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	1.924.844.130.000	74.155.820.000	3.721.683.671	85.869.059.228	2.088.590.692.899

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
- Vốn góp của các đối tượng khác	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100
Cộng	1.924.844.130.000	100	1.924.844.130.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	1.924.844.130.000	1.924.844.130.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	192.484.413	192.484.413
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu phổ thông	192.484.413	192.484.413
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
- Doanh thu bán hàng hoá	322.131.490.872	223.150.517.727
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.234.360.624	1.240.687.954
- Doanh thu hợp đồng xây dựng	172.806.911.673	102.021.249.641
Cộng	497.172.763.169	326.412.455.322

Trong đó

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu đối với các bên liên quan (chi tiết xem thuyết minh VIII.02)	4.527.272	68.954.948.768

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)*Đơn vị tính: VND***02. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chiết khấu thương mại	28.578.000	-
Cộng	28.578.000	-

03. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của hàng hóa đã bán	313.130.096.548	212.884.608.015
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	1.602.061.420	215.284.008
- Giá vốn của hợp đồng xây dựng	148.807.106.469	94.239.469.017
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.119.364.423	372.878.085
Cộng	464.658.628.860	307.712.239.125

04. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	4.314.910	4.969.858
- Lãi bán các khoản đầu tư	149.772.675	117.882.600
Cộng	154.087.585	122.852.458

05. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Lãi tiền vay	4.255.001.601	4.205.250.654
- Lỗ chênh lệch tỷ giá	205.386	-
- Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(2.224.092.481)	(11.161.024.636)
Cộng	2.031.114.506	(6.955.773.982)

06. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Tiền thưởng, hỗ trợ	62.936.292	-
- Thưởng lấy hàng đúng hạn của TOTO	-	211.587.588
- Các khoản khác	17.409.137	28.615.485
Cộng	80.345.429	240.203.073

07. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Thuế GTGT bị truy thu và không được khấu trừ	3.130.000	-
- Chi phí ủng hộ	100.000.000	100.000.000
- Chi phí phạt và nộp chậm tiền thuế	8.757.672	45.735.265
- Các khoản khác	4.353.146	60.714.386
Cộng	116.240.818	206.449.651

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trưng Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
a. Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh	10.016.040.213	11.249.528.345
- Chi phí nhân viên quản lý	4.672.207.032	5.235.098.393
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8.591.499	35.722.225
- Thuế, phí và lệ phí	4.000.000	4.000.000
- Chi phí dự phòng	67.441.891	256.025.118
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.624.821.875	5.003.053.136
- Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp khác	1.638.977.916	715.629.473
b. Chi phí bán hàng phát sinh	3.919.685.606	4.722.446.819
- Chi phí nhân viên	1.959.052.235	2.422.662.460
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.468.609	58.516.039
- Chi phí thuê kho và văn phòng	1.664.064.000	1.604.064.000
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	257.847.390	496.861.275
- Chi phí khác bằng tiền	36.253.372	140.343.045
Cộng	13.935.725.819	15.971.975.164

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	263.440.100	-
- Chi phí nhân công	6.631.259.267	7.657.760.853
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	-	-
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	156.483.226.957	45.289.136.066
- Chi phí khác bằng tiền	1.746.392.711	673.860.352
- Chi phí dự phòng	67.441.891	256.025.118
Cộng	165.191.760.926	53.876.782.389

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ**

	Năm nay	Năm trước
Chuyển nhượng cổ phiếu chưa thu tiền	-	348.597.549.000
Mua cổ phiếu chưa thanh toán	4.200.000.000	106.650.000
Nhận cổ tức bằng cổ phiếu của Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	7.200.100.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2020 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính riêng.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	260.770.000	260.770.000
Cộng nợ phải trả	260.770.000	260.770.000

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tiền lương, phụ cấp và thưởng (*)	2.955.900.000	2.491.504.709
Cộng	2.955.900.000	2.491.504.709

	<u>Chức vụ</u>	<u>Tiền lương, thưởng, thù lao</u>
Năm nay		
Nguyễn Tuấn Hải	Chủ tịch HĐQT	770.220.000
Nguyễn Ngọc Mỹ	Ủy viên HĐQT	320.640.000
Bùi Hoàng Tuấn	Tổng Giám đốc	1.016.600.000
Đỗ Thị Minh Anh	Phó Tổng Giám đốc	460.340.000
Nguyễn Thị Vân Anh	Kế toán trưởng	388.100.000
Cộng		2.955.900.000

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	Công ty con
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	Công ty con
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	Công ty con
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	Công ty con
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	Công ty là cổ đông chiếm 13,05% vốn điều lệ
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	Công ty là cổ đông chiếm 32,21% vốn điều lệ

Các nghiệp vụ trọng yếu phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	4.527.272	68.954.948.768
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	4.527.272	12.745.453
Công ty TNHH Sơn Kansai - Alphanam	-	891.600.000
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	66.436.607.415
Nhóm các Công ty đến ngày 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	1.613.995.900
Mua hàng hóa và sử dụng dịch vụ	-	28.927.104.275
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	3.137.452.317
Công ty Cổ phần Địa ốc Alpha Nam	-	1.374.779.358

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	Năm nay	Năm trước
Nhóm các Công ty đến ngày 31/12/2019 không còn là bên liên quan	-	24.414.872.600
Cổ tức, lợi nhuận được nhận	784.000.000	7.200.100.000
Công ty Cổ phần Alphanam E&C: Nhận cổ tức bằng cổ phiếu	-	7.200.100.000
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC (nhận bằng tiền)	784.000.000	-
Góp vốn	75.259.820.000	143.364.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Công viên văn hóa Mường Hoa	16.845.000.000	62.363.000.000
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	-	72.001.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Hà Tây	-	9.000.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh ALPEC	4.200.000.000	-
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	53.608.000.000	-
Công ty Cổ phần Foodinco Miền Trung	-	-
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	606.820.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, số dư công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khách hàng ngắn hạn	-	3.510.000
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	-	3.510.000
Phải thu khác ngắn hạn	88.147.230.000	59.543.771.500
Công ty Cổ phần Foodinco Quy Nhơn	42.000.000.000	42.000.000.000
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	784.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	1.000.000	1.000.000
Công ty Cổ phần Địa ốc Foodinco	46.146.230.000	16.758.771.500
Cộng nợ phải thu	88.147.230.000	59.547.281.500
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán ngắn hạn	21.706.359.860	24.576.074.982
Công ty Cổ phần Liên doanh Alpec	-	1.191.344.827
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	-	28.370.295
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	21.706.359.860	23.356.359.860
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.273.640.731	246.518.590.088
Công ty Cổ phần Đầu tư Minh Nguyên	34.270.690.730	-
Công ty Cổ phần Alphanam E&C	1	85.718.590.088
Công ty Cổ phần Địa ốc Alphanam	2.950.000	160.800.000.000
Phải trả khác ngắn hạn	-	675.300
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư và XNK Foodinco	-	675.300
Cộng nợ phải trả	55.980.000.591	310.449.571.100

03. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo khu vực địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**Lĩnh vực kinh doanh:**

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực dịch vụ: Cho thuê xe ô tô và cung cấp dịch vụ;
- Lĩnh vực thương mại: Bán hàng hóa các loại;
- Lĩnh vực xây dựng: Hoạt động xây dựng;
- Lĩnh vực đầu tư tài chính.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	<i>Đơn vị tính: VND</i> Cộng
Năm nay					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	322.102.912.872	2.234.360.624	172.806.911.673	149.772.675	497.293.957.844
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	326.032.687.597	1.683.799.202	155.128.759.957	(2.224.092.481)	480.621.154.275
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(3.929.774.725)	550.561.422	17.678.151.716	2.373.865.156	16.672.803.569
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	25.351.105	175.855	13.600.766	-	39.127.726
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	78.828.837	546.819	42.291.353	-	121.667.009
Số cuối năm nay					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	212.653.343.697	2.855.384.604	85.372.446.413	2.209.588.783.877	2.510.469.958.591
- Tài sản không phân bổ					574.721.035
Tổng tài sản	212.653.343.697	2.855.384.604	85.372.446.413	2.209.588.783.877	2.511.044.679.626
- Nợ phải trả bộ phận	273.036.932.720	2.218.324.032	146.483.211.515	-	421.738.468.267
- Nợ phải trả không phân bổ					715.518.460
Tổng nợ phải trả	273.036.932.720	2.218.324.032	146.483.211.515	-	422.453.986.727

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

	Thương mại	Dịch vụ	Xây dựng	Đầu tư tài chính	Cộng
Năm trước					
- Doanh thu thuần từ bán hàng ra bên ngoài	223.150.517.727	1.240.687.954	102.021.249.641	117.882.600	326.530.337.922
- Doanh thu thuần từ bán hàng cho các bộ phận khác	-	-	-	-	-
- Chi phí phân bổ	227.048.165.003	291.958.395	100.544.371.687	(11.161.024.636)	316.723.470.449
- Lợi nhuận từ hoạt động KD	(3.897.647.276)	948.729.559	1.476.877.954	11.278.907.236	9.806.867.473
- Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và tài sản dài hạn	38.644.902	214.861	17.667.901	-	56.527.664
- Tổng chi phí khấu hao tài sản cố định và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	352.621.037	1.960.527	161.213.334	-	515.794.898
Số cuối năm trước					
- Tài sản trực tiếp của bộ phận	448.165.058.917	2.486.751.438	192.544.931.798	2.089.648.083.027	2.732.844.825.180
- Tài sản không phân bổ					2.293.185.723
Tổng tài sản	448.165.058.917	2.486.751.438	192.544.931.798	2.089.648.083.027	2.735.138.010.903
- Nợ phải trả bộ phận	487.779.652.690	1.883.848.945	172.805.206.089	-	662.468.707.724
- Nợ phải trả không phân bổ					715.518.460
Tổng nợ phải trả	487.779.652.690	1.883.848.945	172.805.206.089	-	663.184.226.184

Khu vực địa lý:

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trắc, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**05. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

06. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	221.448.374.584	-	-	221.448.374.584
Vay và nợ	60.315.001.300	-	-	60.315.001.300
Chi phí phải trả	257.868.102	-	-	257.868.102
Các khoản phải trả khác	1.074.473.747	-	-	1.074.473.747
Cộng	283.095.717.733	-	-	283.095.717.733
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	320.813.812.402	-	-	320.813.812.402
Vay và nợ	48.292.202.075	-	-	48.292.202.075
Chi phí phải trả	79.081.260	-	-	79.081.260
Các khoản phải trả khác	1.035.832.399	-	-	1.035.832.399
Cộng	370.220.928.136	-	-	370.220.928.136

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ ALPHANAM

Khu Công nghiệp Phố Nối A, xã Trung Trác, huyện Văn Lâm, tỉnh Hưng Yên

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

07. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Các phân tích về độ nhạy trình bày dưới đây được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi là không thay đổi.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do phần lớn việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể..

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt – Chi nhánh Phía Bắc.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính riêng của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Lê Thị Bích

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Vân Anh

Hưng Yên, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Tổng Giám đốc



Bùi Hoàng Tuấn